TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 129/2019/HC-PT
Ngày 19-6-2019
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông NTN;
Các Thẩm phán: Ông NXH;
Ông HMH.

- Thư ký phiên tòa: Bà ĐTXT - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà LTTH - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 408/2018/TLPT-HC ngày 11 tháng 12 năm 2018 về khiếu kiện quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 07-9-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6368/2019/QĐ-PT ngày 04-6-2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Huy A1 sinh năm 1965, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: bà Nguyễn Thị Lan H sinh năm 1995, có mặt.

Đều trú tại xóm 12, xã Nghi Trung, huyện Nghi L, tỉnh A.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Hồng V - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A tham gia tố tụng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh A.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Thanh T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân

dân thành phố tham gia tố tụng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2014, thực hiện Dự án đầu tư xây dựng công trình đường nối Quốc lộ 1A đi thị xã Cửa Lò đoạn Quán Hành - Chợ Sơn (gọi tắt Tỉnh lộ 534), Ủy ban nhân dân huyện Nghi L đã có Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 25-4-2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng cho các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án. Gia đình bà Lê Thị P (mẹ ông Nguyễn Huy A1) được hỗ trợ tài sản trên đất số tiền 4.322.831 đồng.

Không được bồi thường đất nên ông Nguyễn Huy A1 cùng 39 hộ dân khác có đơn khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nghi L ban hành Quyết định 1678/QĐ.UBND ngày 15-9-2015 giải quyết khiếu nại (lần đầu) của 40 hộ dân xã Nghi Trung, huyện Nghi L và không chấp nhận khiếu nại yêu cầu bồi thường đất của ông Nguyễn Huy A1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A ban hành Quyết định số 1501/QĐ-UBND.KT ngày 08-4-2016 về việc giải quyết khiếu nại của 30 công dân xã Nghi Trung, huyện Nghi L, A (lần 2) và giữ nguyên Quyết định số 1618/QĐ.UBND ngày 15-9-2015 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) liên quan đến gia đình ông Nguyễn Huy A1.

Ngày 01-4-2017, ông Nguyễn Huy A1 có đơn khởi kiện với nội dung:

Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 1501/QĐ-UBND.KT ngày 08-4-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc giải quyết khiếu nại của 30 công dân xã Nghi Trung, huyện Nghi L (lần 2) liên quan đến gia đình ông Nguyễn Huy A1.

Yêu cầu hủy một phần các quyết định hành chính liên quan:

- Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 15-9-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nghi L về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của 40 hộ dân xã Nghi Trung, huyện Nghi L; Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 25-4-2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng dự án liên quan đến gia đình ông Nguyễn Huy A1; Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Nghi L lập phương án bồi thường diện tích 100 m^2 bị cưỡng chế thu hồi làm đường tỉnh lộ 534 cho gia đình ông;

Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Nghi L cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng hiện trạng cho gia đình ông.

Ngoài ra, ông Nguyễn Huy A1 còn khởi kiện yêu cầu xem xét tính hợp pháp của việc giải tỏa hành lang giao thông năm 1994; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số 1748906 ngày 07-9-1997 tại thửa số 586, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.533 m^2 (bao gồm: 200 m^2 đất ở; 1.333 m^2 đất vườn (đất lưu không 200 m^2) mang tên ông Nguyễn Huy B.

Lý do khởi kiện: Theo ông Nguyễn Huy A1, thửa đất của gia đình ông có diện tích 1.896 m^2, gia đình sinh sống ổn định, không tranh chấp. Năm 1994, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nghi L tổ chức cưỡng chế giải tỏa, chặt phá cây cối, cắm mốc lộ giới và buộc gia đình dời bờ rào vào cách tim đường 10 m. Năm 1997, Ủy ban nhân dân huyện Nghi L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố ông là Nguyễn Huy B đã tự ý ghi 200 m^2 đất lưu không gia đình không đồng ý.

Năm 2014, thực hiện dự án Đầu tư xây dựng công trình đường nối Quốc lộ 1A đi thị xã Cửa Lò đoạn Quán Hành - Chợ Sơn (Tỉnh lộ 534) đã cưỡng chế lấy đi 100 m^2 đất của gia đình nhưng không được bồi thường về đất. Gia đình đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện Nghi L. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nghi L đã ban hành Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 15-9-2015 về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A ban hành Quyết định số 1501/QĐ-UBND.KT ngày 08-4-2016 về việc giải quyết khiếu nại của 30 công dân xã Nghi Trung, huyện Nghi L (lần 2) vẫn giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại (lần đầu) và không chấp nhận khiếu nại yêu cầu bồi thường diện tích 100 m^2 đất của gia đình là không đúng.

Người bị kiện đại diện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A trình bày:

Diện tích đất của ông Nguyễn Huy A1 yêu cầu bồi thường đã được giải tỏa hành lang an toàn giao thông năm 1994, do Nhà nước quản lý, diện tích này nằm ngoài bờ rào của gia đình kể từ sau khi giải tỏa nên không đủ điều kiện để được bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thực hiện dự án mở rộng nâng cấp Tỉnh lộ 534 theo Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 19-01-2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh A quy định về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh A. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị khởi kiện và đề nghị Tòa giải quyết theo quy định pháp luật.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện Nghi L và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nghi L trình bày:

Năm 2014, thực hiện dự án Đầu tư xây dựng công trình đường nối Quốc lộ 1A đi thị xã Cửa Lò đoạn Quán Hành - Chợ Sơn (Tỉnh lộ 534); ông Nguyễn Huy A1 khiếu nại Ủy ban nhân dân huyện không lập hồ sơ bồi thường diện tích 100 m^2 đất của gia đình; Ủy ban nhân dân huyện Nghi L đã thành lập đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra xác minh công tác quản lý đất đai qua các thời kỳ thấy rằng: Năm 1993, Nhà nước có chủ trương mở rộng Tỉnh lộ 534, Ủy ban nhân dân huyện Nghi L đã căn cứ Nghị định 203/HĐBT ngày 21-12-1982 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành Chỉ thị 140/CT.UB ngày 10-11-1993 quy định hành lang đường bộ khi thực hiện Nghị định 64/CP, đoạn qua chợ Sơn - Quán Hành từ tim đường ra mỗi bên 18 m và tiến hành giải tỏa từ tim đường mỗi bên 10 m. Năm 1997, Ủy ban nhân dân huyện Nghi L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Huy B (bố ông Nguyễn Huy A1) thửa số 586, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.533 m^2 (bao gồm: 200 m^2 đất ở; 1333 m^2 đất vườn (đất lưu không 200 m^2) và xây bờ rào bao quanh sử dụng ổn định. Năm 2014, thực hiện

dự án mở rộng Tỉnh lộ 534 đoạn chợ Sơn - Quán Hành, Ủy ban nhân dân huyện Nghi L đã kiểm kê tài sản trên đất và hỗ trợ cho ông Nguyễn Huy A1 số tiền 4.322.831 đồng. Đối với đất: Căn cứ khoản 3 Điều 5 Quyết định 04/2010/QĐ-UBND ngày 19-01-2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh A thì ông Nguyễn Huy A1 không được bồi thường về đất vì hiện trạng đất này đã được giải tỏa trong quá trình thực hiện Chỉ thị 140/CTUB ngày 10-11-1993 quy định hành lang đường bộ; Chỉ thị số 155/CT.UB ngày 05-3-1994 của Ủy ban nhân dân huyện Nghi L về giải tỏa hành lang hai bên đường Quán hành - Nghi Hương; Nghị định 36/CP ngày 29-5-2015 của Chính phủ. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện Nghi L không lập hồ sơ bồi thường về đất diện tích 100 m^2 khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường tỉnh lộ 534 và giữ nguyên Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 15-9-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nghi L.

Đại diện cho bà Nguyễn Thị Hồng L1, anh Nguyễn Huy H1, bà Nguyễn Thị V nhất trí với ý kiến của ông Nguyễn Huy A1 và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 07-9-2018, Tòa án nhân dân tỉnh A đã căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm g khoản 1 Điều 143; điểm a khoản 3 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; căn cứ các điều 17, 18, 31 và 40 Luật Khiếu nại; Luật Tổ chức chính quyền địa phương; căn cứ Điều 204 Luật Đất đai năm 2013; các điều 38, 42, 43 và 138 Luật Đất đai năm 2003; các điều 7, 8 Nghị định số 197/2014/NĐ-CP ngày 03-12-2004 của Chính phủ; Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ; Điều 3 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01-10-2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; khoản 3 Điều 5 Quyết định số 04/2010/QĐ-UBND ngày 19-01-2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh A; quyết định:

Đình chỉ giải quyết nội dung khởi kiện yêu cầu xem xét tính hợp pháp của toàn bộ quá trình giải tỏa hành lang giao thông năm 1994 và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số 1748906 ngày 09-7-1997 cấp cho ông Nguyễn Huy B đối với thửa số 586, tờ bản đồ số 01, diện tích 1.533 m^2 tại xóm 12, xã Nghi Trung, huyện Nghi L, tỉnh A.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huy A1 đề nghị hủy một phần Quyết định số 1501/QĐ-UBND.KT ngày 08-4-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc giải quyết khiếu nại của 30 công dân xã Nghi Trung, huyện Nghi L, tỉnh A (lần 2) và hủy một phần các quyết định hành chính liên quan: Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 15-9-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nghi L về việc giải quyết khiếu nại của 40 công dân xã Nghi Trung, huyện Nghi L, A (lần đầu); Quyết định số 573/QĐ- UBND ngày 25-4-2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện Nghi L lập phương án bồi thường diện tích 163 m^2 đất bị cưỡng chế thu hồi làm đường Tỉnh lộ 534 cho ông Nguyễn Huy A1.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18-9-2018, người khởi kiện là ông Nguyễn Huy A1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện và đại diện hợp pháp của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đề nghị cơ quan chức năng xem xét ra quyết định thu hồi, bồi thường phần diện tích đất bị thu hồi, lý do diện tích đất bị thu hồi có nguồn gốc do gia đình khai phá, sử dụng ổn định, lâu dài; ngoài ra, đại diện hợp pháp của người khởi kiện còn cho rằng hồ sơ vụ án, có một số tài liệu liên quan đến việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không bảo đảm chính xác, khách quan theo kê khai của gia đình; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đương sự.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, thì việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Huy A1 là có căn cứ; đề nghị giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện

Người khởi kiện yêu cầu hủy bỏ các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Ngày 01-4-2017, ông Nguyễn Huy A1 có đơn khởi kiện Quyết định số 1501/QĐ-UBND.KT ngày 08-4-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A (lần 2) là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Tòa án nhân dân tỉnh A thụ lý giải quyết là đúng pháp luật.

Đối với Quyết định số 1678/QĐ -UBND ngày 15-9-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nghi L về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) và Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 25-4-2014 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng của Ủy ban nhân dân huyện Nghi L là các quyết định hành chính liên quan nên được xem tính hợp pháp của các quyết định theo quy định của pháp luật.

[2]. Xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với Quyết định số 1501/QĐ-UBND.KT ngày 08-4-2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc giải quyết khiếu nại của 30 công dân xã Nghi Trung (lần 2), trong đó liên quan đến ông Nguyễn Huy A1.

Sau khi có khiếu nại của các hộ dân, trong đó có hộ ông Nguyễn Huy A1 yêu cầu xem xét lại quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) của Chủ tịch Ủy ban

nhân dân huyện Nghi L, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A đã quyết định thành lập tổ kiểm tra liên ngành bao gồm các cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại. Căn cứ quy định của pháp luật và kết quả kiểm tra, xác minh nội dung khiếu nại; ngày 08-4-2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A đã ban hành Quyết định số 1501/QĐ-UBND.KT về việc giải quyết khiếu nại của 30 công dân xã Nghi Trung (lần 2) trong đó có hộ ông Nguyễn Huy A1 là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại các điều 21, 40 Luật Khiếu nại và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013.

Tại Quyết định nêu trên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A đã quyết định giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại đối với 30 công dân xã Nghi Trung, trong đó có nội dung không chấp nhận khiếu nại yêu cầu bồi thường về đất của ông Nguyễn Huy A1.

Về cơ sở pháp lý: Thửa số 586, tờ bản đồ số 01, diện tích 1533 m^2 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09-7-1997 mang tên ông Nguyễn Huy B có nguồn gốc là của ông Nguyễn Huy B và bà Lê Thị P trước năm 1980. Theo Bản đồ số 299 (đo đạc năm 1984) thể hiện thửa số 586, tờ bản đồ số 01, diện tích 1. 896 m^2 mang tên ông Nguyễn Huy B. Năm 1990, ông Nguyễn Huy B chuyển nhượng cho ông Hoàng Khắc C diện tích 200 m^2 đất.

Theo Sổ theo dõi biến động đất theo Nghị định 64/CP của xóm 12, xã Nghi Trung thể hiện: Thửa đất số 586 có diện tích 1. 896 m^2 gồm: hộ ông Nguyễn Huy B diện tích 1.696 m^2 (gồm: 200 m^2 đất ở, vườn 1133 m^2, đất lưu không 200 m^2, đất giao thông 163 m^2); hộ ông Hoàng Khắc C có diện tích 200 m^2 (gồm 100 m^2 đất ở và 100 m^2 đất giao thông). Như vậy, diện tích 263 m^2 đất trong thửa số 586 đã được giải tỏa hành lang giao thông năm 1994, do Nhà nước quản lý.

Bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP thể hiện: Thửa số 586 có diện tích 1633 m^2 (gồm đất của ông C và ông B trong cùng 1 thửa). Ngày 09-7-1997, Ủy ban nhân dân huyện Nghi L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Huy B thửa số 586, tờ bản đồ số 01, diện tích 1533 m^2 bao gồm: 200 m^2 đất ở, 1333 m^2 đất vườn (đất lưu không 200 m^2); ông Hoàng Khắc C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 586, tờ bản số 1, diện tích 100 m^2 đất ở. Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2007, thể hiện: Đất ông Nguyễn Huy B thửa số 279, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.350 m^2; đất ông Hoàng Khắc C thửa số 276, diện tích 297 m^2; tổng diện tích 02 thửa là 1.647 m^2; tăng 14 m^2. Biến động thửa đất (thời điểm 1997 đến 2007) là do hai gia đình chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho nhau.

Đối với phần diện tích 163 m^2 đất, ông Nguyễn Huy A1 yêu cầu bồi thường khi giải tỏa hành lang giao thông năm 1994, thể hiện qua các giai đoạn:

- Khi thực hiện giải tỏa hành lang giao thông năm 1994: Căn cứ Nghị định số 203/HĐBT ngày 21-12-1982 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và

Chỉ thị 140/CT.UB ngày 10-11-1993 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nghi L quy định hành lang đường bộ; Chỉ thị 155/CT.UB ngày 05-3-1994 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nghi L về việc giải tỏa hành lang hai bên đường Quán Hành - Nghi Hương. Ủy ban nhân dân huyện Nghi L không ban hành quyết định thu hồi đất, không lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân trong đó có hộ ông Nguyễn Huy B. Sau khi giải tỏa hành lang giao thông, ông Nguyễn Huy B đã xây dựng bờ rào sử dụng ổn định và năm 1997 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 1533 m^2. Như vậy, phần diện tích 163 m^2 thuộc hành lang giao thông do Nhà nước quản lý; không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, không liên quan đến diện tích đã được ghi nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Huy A1.

- Giai đoạn thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 534 năm 2014: Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng Ủy ban nhân dân huyện Nghi L tiến hành kiểm kê tài sản trên đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất cho gia đình ông Nguyễn Huy A1 nhưng không bồi thường đất. Phần diện tích 163 m^2 đất ông Nguyễn Huy A1 yêu cầu được bồi thường đã được giải tỏa hành lang giao thông vào năm 1994 theo quy định, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nằm ngoài bờ rào và khuôn viên thửa đất của gia đình ông Nguyễn Huy A1 nên không đủ điều kiện để bồi thường đất theo quy định tại các điều 38, 42, 43 Luật Đất đai năm 2003; các điều 7, 8 Nghị định số 197/2014/NĐ-CP ngày 03-12-2004 của Chính phủ; Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ; Điều 3 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01-10-2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; vì thế, tại Quyết định số 1501/QĐ-UBND.KT ngày 08-4-2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A không chấp nhận yêu cầu bồi thường đất cho ông Nguyễn Huy A1 là có căn cứ.

- Đối với Quyết định số 1678/QĐ -UBND ngày 15-9-2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nghi L về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với yêu cầu bồi thường về đất của các hộ gia đình (trong đó có hộ ông Nguyễn Huy A1) được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại các điều 18; 31 Luật Khiếu nại và Điều 204 Luật Đất đai năm 2013. Đối với Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày 25-4-2014 của Ủy ban nhân dân huyện Nghi L về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng cho các hộ gia đình (trong đó có hộ ông Nguyễn Huy A1) là đúng quy định tại các điều 38, 42 và 43 Luật Đất đai năm 2003; các điều 7, 8 Nghị định 197/2014/NĐ-CP ngày 03-12-2004 của Chính phủ; Điều 14 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25-5-2007 của Chính phủ và khoản 3 Điều 5 Quyết định 04/2010/QĐ-UBND ngày 19-01-2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh A; vì thế, Ủy ban nhân dân huyện Nghi L không lập hồ sơ bồi thường đất cho ông Nguyễn Huy A1 là đúng pháp luật.

[3]. Đối với nội dung khởi kiện yêu cầu xem xét tính hợp pháp của việc giải tỏa hành lang năm 1994; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1748906 cấp cho ông Nguyễn Huy B ngày 09-7-1997 đối với thửa số 586, tờ bản đồ số 01,

diện tích 1533 m^2.

Khi giải tỏa hành lang giao thông năm 1994 thì thửa đất 586, tờ bản đồ số 01 tại xóm 12, xã Nghi Trung, huyện Nghi L thuộc quyền quản lý, sử dụng của bố ông Nguyễn Huy A1 là ông Nguyễn Huy B. Ông Nguyễn Huy A1 cho rằng sau khi bị giải tỏa gia đình đã khiếu nại nhưng không được giải quyết. Tuy nhiên gia đình cũng không thực hiện việc khởi kiện vụ án hành chính theo Pháp lệnh trình tự thủ tục giải quyết các vụ án hành chính năm 1996 (được sửa đổi, bổ sung năm 1998 và năm 2006) và theo Điều 3 Nghị quyết 56/2010/QH12 ngày 24-11-2010 của Quốc hội hướng dẫn thi hành Luật tố tụng hành chính năm 2010. Ngày 01-4-2017, ông Nguyễn Huy A1 nộp đơn khởi kiện thì thời hiệu khởi kiện đã hết. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số 1748906 ngày 09-7-1997 cấp cho ông Nguyễn Huy B thì ông Nguyễn Huy A1 đã nhận và biết được từ năm 1997, nay ông Nguyễn Huy A1 khởi kiện thì cũng đã hết thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với các yêu cầu khởi kiện nêu trên là đúng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 143 Luật tố tụng hành chính.

[4]. Về việc xác định tư cách đương sự

Người khởi kiện yêu cầu hủy bỏ các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nghi L và quyết định phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng của Ủy ban nhân dân huyện Nghi L. Theo quy định của pháp luật, trong trường hợp này, người bị kiện bao gồm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nghi L và Ủy ban nhân dân huyện Nghi L. Tòa án cấp sơ thẩm xác định Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Nghi L và Ủy ban nhân dân huyện Nghi L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác nên cần sửa lại phần này theo quy định của pháp luật.

Với các lý do trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đương sự là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

[5]. Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Huy A1 phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật tố tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí; quyết định bác kháng cáo của ông Nguyễn Huy A1 và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 07-9-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh A.

2. Ông Nguyễn Huy A1 phải nộp án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng (xác nhận đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0000882 ngày 08-10-2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh A).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh A;
- VKSND tỉnh A;
- Cục THA dân sự tỉnh A;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

NTN